

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 42

Handwritten red text on the right margin, possibly a signature or stamp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Quang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Việt Linh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Số: 20.650-R/BCKT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 06 năm 2020 từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020



Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		577.814.355.221	400.555.157.639
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	21.502.004.966	49.084.263.033
1. Tiền	111		21.502.004.966	49.084.263.033
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		432.827.446.496	266.323.503.794
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	388.037.933.313	180.439.998.596
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	24.753.699.198	18.954.618.347
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.915.000.000	1.895.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	18.628.276.621	67.541.349.487
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
III. Hàng tồn kho	140	4.6	122.033.554.002	83.296.502.621
1. Hàng tồn kho	141		122.040.991.800	83.303.940.419
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(7.437.798)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.451.349.757	1.850.888.191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		320.723.091	270.953.016
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.749.303	117.051.838
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	1.122.877.363	1.462.883.337
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		142.472.017.515	220.530.540.452
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.960.000.000	108.180.558.657
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	108.180.558.657
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.960.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		81.080.119.798	50.396.014.837
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	63.640.517.623	39.157.831.625
Nguyên giá	222		103.592.449.886	91.168.221.401
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.951.932.263)	(52.010.389.776)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.8	15.316.667.176	9.096.581.547
Nguyên giá	225		26.273.150.796	13.935.461.726
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.956.483.620)	(4.838.880.179)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.122.934.999	2.141.601.665
Nguyên giá	228		3.445.930.675	3.445.930.675
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.322.995.676)	(1.304.329.010)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.871.832.366	64.215.400
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	6.871.832.366	64.215.400
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	41.438.919.333	44.370.695.429
1. Đầu tư vào công ty con	251		55.250.000.000	55.050.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.235.000.000	6.635.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	600.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.796.080.667)	(17.914.304.571)
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.121.146.018	17.519.056.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	11.107.357.979	17.491.480.051
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		13.788.039	27.576.078
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		720.286.372.736	621.085.698.091

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		588.186.692.120	506.522.926.710
I. Nợ ngắn hạn	310		574.852.039.045	491.800.285.733
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	170.644.199.556	97.659.741.642
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	73.099.354.731	35.253.933.440
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.547.012.493	3.314.818.797
4. Phải trả người lao động	314	4.15	3.671.860.857	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	1.121.664.237	1.925.560.952
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.17	5.922.386.849	4.516.309.109
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.18	6.354.297.580	4.067.108.732
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	312.491.262.742	345.062.813.061
II. Nợ dài hạn	330		13.334.653.075	14.722.640.977
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	7.652.496.720	11.464.261.987
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	5.682.156.355	3.258.378.990
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		132.099.680.616	114.562.771.381
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20.1	132.099.680.616	114.562.771.381
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.20.2	115.000.000.000	98.999.060.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.000.000.000	98.999.060.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.640.139.770	3.440.139.770
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.459.540.846	12.123.571.611
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.023.665.611	10.709.538.364
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.435.875.235	1.414.033.247
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		720.286.372.736	621.085.698.091



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày	Từ ngày
			01/04/2019 đến ngày 31/03/2020	01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 (Xem TM số 10)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	884.960.530.853	159.900.385.812
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		884.960.530.853	159.900.385.812
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	797.414.310.428	134.265.134.394
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.546.220.425	25.635.251.418
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	7.348.010.517	350.414.490
6. Chi phí tài chính	22	5.4	28.959.925.678	8.183.814.816
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>23.641.129.163</i>	<i>5.131.196.347</i>
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	9.217.921.171	4.166.253.743
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	52.867.224.975	12.385.357.802
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.849.159.118	1.250.239.547
10. Thu nhập khác	31	5.7	9.654.729.812	596.685.734
11. Chi phí khác	32		600.502.076	5.000.000
12. Lợi nhuận khác	40		9.054.227.736	591.685.734
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.903.386.854	1.841.925.281
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	1.453.723.580	364.982.628
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		13.788.039	62.909.406
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.435.875.235	1.414.033.247



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 (Xem TM số 10)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.903.386.854	1.841.925.281
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	15.894.740.025	3.810.013.633
Các khoản dự phòng	03		4.881.776.096	3.019.068.912
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(1.178.127.555)	(6.905.574)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.026.222.924)	(336.927.541)
Chi phí lãi vay	06	5.4	23.641.129.163	5.131.196.347
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		51.116.681.659	13.458.371.058
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(52.244.301.774)	55.479.663.451
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.737.051.381)	(1.757.214.203)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		100.532.112.929	(96.628.381.705)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		6.334.351.997	(244.121.077)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	13.000.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14		(23.641.129.163)	(5.131.196.347)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.360.664.267	(22.622.878.822)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.452.256.065)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.862.710.857	636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.403.778.126)	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.423.778.126	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.950.000.000)	(1.060.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.550.109.571	5.507.511.441
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31.969.435.637)	3.948.147.804

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 (Xem TM số 10)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		16.000.940.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	708.569.103.642	210.078.431.595
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(745.478.021.149)	(157.932.443.213)
4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.019.888.635)	(771.073.578)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(10.069.717.550)	(9.788.644.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(38.997.583.692)	41.586.269.954
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(27.606.355.062)	22.911.538.936
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		49.084.263.033	26.180.754.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.096.995	(8.030.145)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	21.502.004.966	49.084.263.033



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 02 năm 2020.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 115.000.000.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/04/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	16,42	18.878.930.000	19,07
Cổ đông khác	Việt Nam	96.121.070.000	83,58	80.120.130.000	80,93
Cộng		115.000.000.000	100,00	98.999.060.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 125 (01/04/2019: 130).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

phép lưu hành (không mua bán bằng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	71%	71,16%	71,16%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	73%	73%	73%
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%	60%
4.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	61%	61%	61%
5.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Phòng 1, Nhà 8, Đường số 13, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	90%	90%
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	94%	95,83%	95,83%
7.	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
1.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%	46,56%
2.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	22,27%	22,27%
3.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	27,03%	27,03%
4.	Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Số 54a ngõ 218 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20%	15,69%	15,69%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2020 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam
2.	Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2019

- | | |
|----------------------------------|-----------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 3 – 5 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 năm |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Tòa nhà CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trí - Phường Mỹ Trí - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là từ 2 năm đến 3 năm.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

3.11. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước, ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Quý dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 10%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.21. Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Công ty được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019, Công ty lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Tiền mặt	10.782.584.964	30.661.529.419
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.719.370.002	18.422.733.614
Tiền đang chuyển	50.000	-
Cộng	21.502.004.966	49.084.263.033

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý Dự phòng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	12.650.000.000	-	12.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	7.300.000.000	(7.300.000.000)	7.300.000.000	(7.300.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	6.000.000.000	(3.492.724.231)	6.000.000.000	(1.177.916.057)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	6.100.000.000	-	6.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	9.200.000.000	(7.390.412.684)	9.000.000.000	(4.447.562.179)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	5.000.000.000	(2.487.278.657)	5.000.000.000	(3.073.437.524)
Cộng	55.250.000.000	(20.670.415.572)	55.050.000.000	(15.998.915.760)

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2020		Tại ngày 01/04/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Mideas	2.400.000.000	(1.355.501.854)	2.400.000.000	(794.908.339)
Công ty TNHH giải pháp công nghệ DCT	1.960.000.000	(377.104.250)	1.960.000.000	(660.135.528)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.875.000.000	(197.438.297)	1.875.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	2.000.000.000	(195.620.694)	400.000.000	(400.000.000)
Cộng	8.235.000.000	(2.125.665.095)	6.635.000.000	(1.855.043.867)
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh	750.000.000	-	600.000.000	(60.344.944)
Cộng	750.000.000	-	600.000.000	(60.344.944)

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do đó, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	45.375.326.607	52.090.549.138
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	114.905.338.157	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	34.813.883.703	36.203.153.580
Công ty TNHH Tài chính MB Shinsei	15.138.250.000	589.050.000
Ngân hàng Chính sách xã hội	13.773.805.005	103.145.680
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Vinacademy	11.883.999.400	-
Tập đoàn Công Nghiệp - Viện Thông Quân Đội	8.733.256.040	7.180.295.100
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	4.941.773.760	9.120.862.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	17.875.000	31.681.287.480
Các khách hàng khác	138.454.425.641	43.471.655.618
Cộng	388.037.933.313	180.439.998.596

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Trả trước cho người bán là các bên có liên quan – Xem thêm mục 7	655.390.000	25.812.136
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp và Thương mại Quốc tế Thăng Long	12.808.830.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Cao Quốc tế Global	5.051.790.000	-
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	-	3.646.784.323
Vertika Helio Communications Inc	-	2.750.918.800
Các nhà cung cấp khác	6.237.689.198	12.531.103.088
Cộng	24.753.699.198	18.954.618.347

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về tạm ứng	2.440.318.974	-	1.080.576.198	-
Ký cược, ký quỹ	10.167.980.265	-	65.160.096.136	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 7	4.880.000.000	-	1.270.226.238	-
Phải thu khác	1.139.977.382	-	30.450.915	-
Cộng	18.628.276.621	-	67.541.349.487	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	9.804.349.924	-	-	-
Hàng tại kho Công ty	3.492.588.392	(7.437.798)	5.597.661.558	(7.437.798)
Hàng đã xuất kho triển khai	98.498.250.446	-	70.431.375.384	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	2.268.749.152	-	768.950.544	-
Hàng hóa bất động sản	1.862.858.455	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.059.802.256	-	6.451.559.758	-
Cộng	122.040.991.800	(7.437.798)	83.303.940.419	(7.437.798)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/04/2019	34.345.180.908	53.895.306.383	2.927.734.110	91.168.221.401
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	40.237.527.182	-	40.237.527.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(27.813.298.697)	-	(27.813.298.697)
Tại ngày 31/03/2020	<u>34.345.180.908</u>	<u>66.319.534.868</u>	<u>2.927.734.110</u>	<u>103.592.449.886</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/04/2019	8.044.391.175	42.018.803.627	1.947.194.974	52.010.389.776
Khấu hao trong kỳ	1.619.343.601	7.775.287.299	363.839.018	9.758.469.918
Thanh lý, nhượng bán	-	(21.816.927.431)	-	(21.816.927.431)
Tại ngày 31/03/2020	<u>9.663.734.776</u>	<u>27.977.163.495</u>	<u>2.311.033.992</u>	<u>39.951.932.263</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/04/2019	<u>26.300.789.733</u>	<u>11.876.502.756</u>	<u>980.539.136</u>	<u>39.157.831.625</u>
Tại ngày 31/03/2020	<u>24.681.446.132</u>	<u>38.342.371.373</u>	<u>616.700.118</u>	<u>63.640.517.623</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình là 7.320.791.980 đồng đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.19.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.981.438.054 VND.

4.8. Tài sản cố định thuê tài chính

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/04/2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2020 VND
Nguyên giá	13.935.461.726	12.337.689.070	-	26.273.150.796
Giá trị hao mòn lũy kế	(4.838.880.179)	(6.117.603.441)	-	(10.956.483.620)
Giá trị còn lại	<u>9.096.581.547</u>			<u>15.316.667.176</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/04/2019	1.344.773.454	2.101.157.221	3.445.930.675
Tại ngày 31/03/2020	1.344.773.454	2.101.157.221	3.445.930.675
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/04/2019	1.304.329.010	-	1.304.329.010
Khấu hao trong kỳ	18.666.666	-	18.666.666
Tại ngày 31/03/2020	1.322.995.676	-	1.322.995.676
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/04/2019	40.444.444	2.101.157.221	2.141.601.665
Tại ngày 31/03/2020	21.777.778	2.101.157.221	2.122.934.999

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.288.773.454 VND.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Mua sắm tài sản cố định	6.871.832.366	64.215.400
Cộng	6.871.832.366	64.215.400

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Quyền sử dụng đất	7.470.088.725	7.846.731.853
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.483.756.097	4.978.023.492
Khác	2.153.513.157	4.666.724.706
Cộng	11.107.357.979	17.491.480.051

Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất là 7.470.088.725 đồng tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn – Xem thêm mục 4.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2020 VND		Tại ngày 01/04/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	13.022.713.679	13.022.713.679	16.781.933.065	16.781.933.065
Phải trả cho người bán:				
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	42.371.799.427	42.371.799.427	-	-
Công ty TNHH Tech Data Advanced Solutions (Việt Nam)	12.063.055.260	12.063.055.260	328.071.480	328.071.480
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam Sandvine Corporation	11.150.660.800	11.150.660.800	11.150.660.800	11.150.660.800
Cisco International Limited	8.683.220.000	8.683.220.000	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1 Avu Pty Ltd	8.407.659.794	8.407.659.794	4.818.039.533	4.818.039.533
Công ty TNHH Azbil Việt nam	7.760.635.947	7.760.635.947	8.842.624.087	8.842.624.087
Polaris Technologic Pty Ltd	7.245.866.467	7.245.866.467	13.690.538.495	13.690.538.495
Phải trả cho các đối tượng khác	3.922.457.387	3.922.457.387	-	-
Cộng	1.738.052.716	1.738.052.716	18.468.343.519	18.468.343.519
Dãi hạn:	54.278.078.079	54.278.078.079	23.579.530.663	23.579.530.663
	170.644.199.556	170.644.199.556	97.659.741.642	97.659.741.642
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Azbil Việt Nam	7.652.496.720	7.652.496.720	11.464.261.987	11.464.261.987

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tĩnh	19.264.502.490	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	16.036.404.918	-
Văn phòng Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp	14.345.055.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Công nghệ Sửa chữa và Sản xuất Vật tư Kỹ thuật Trang bị Thông tin Quân sự		
Thế hệ mới	-	12.184.160.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Argibank	-	4.320.000.000
Công ty Quản lý Bay Miền Nam - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	-	3.922.882.946
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	-	2.660.058.230
Các đối tượng khác	23.453.392.323	12.166.832.264
Cộng	<u>73.099.354.731</u>	<u>35.253.933.440</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/04/2019		Trong năm		Tại ngày 31/03/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	68.515.128	348.826.382.460	350.008.615.194	1.113.717.606	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	60.715	195.138.276	195.198.991	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.462.883.337	-	1.453.723.580	-	9.159.757	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	181.116.984	2.179.795.495	2.101.424.464	-	259.488.015
Các loại thuế khác	-	3.065.125.970	5.423.506.010	7.201.107.502	-	1.287.524.478
Cộng	1.462.883.337	3.314.818.797	358.078.545.821	359.506.346.151	1.122.877.363	1.547.012.493

4.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 và lương bổ sung năm tài chính 2019 còn phải trả cho người lao động.

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

4.17. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ internet cho khách hàng theo Hợp đồng số 10.(DNG8b-DC) giữa Công ty và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Kinh phí công đoàn	927.480.526	1.008.234.709
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.224.342.250	2.394.153.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.202.474.804	664.720.223
Cộng	6.354.297.580	4.067.108.732

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/04/2019 VND		Trong năm VND		Tại ngày 31/03/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	341.978.518.749	341.978.518.749	708.569.103.642	745.478.021.149	305.069.601.242	305.069.601.242
Vay dài hạn đến hạn trả	3.084.294.312	3.084.294.312	7.421.661.500	3.084.294.312	7.421.661.500	7.421.661.500
Cộng	345.062.813.061	345.062.813.061	715.990.765.142	748.562.315.461	312.491.262.742	312.491.262.742
Dài hạn:						
Nợ thuế tài chính	6.342.673.302	6.342.673.302	14.781.033.188	8.019.888.635	13.103.817.855	13.103.817.855
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3.084.294.312)	(3.084.294.312)	(7.421.661.500)	(3.084.294.312)	(7.421.661.500)	(7.421.661.500)
Cộng	3.258.378.990	3.258.378.990	7.359.371.688	4.935.594.323	5.682.156.355	5.682.156.355
Tổng cộng	348.321.192.051	348.321.192.051	723.350.136.830	753.497.909.784	318.173.419.097	318.173.419.097

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 6,9%/năm đến 7,4%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16a, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 7.320.791.980 đồng và 7.470.088.725 đồng – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.11;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Nợ thuế tài chính dài hạn là các khoản vay theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam có thời hạn từ 2 – 3 năm, lãi suất 7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2019	98.999.060.000	3.440.139.770	24.284.014.455	126.723.214.225
Lãi trong năm trước	-	-	1.414.033.247	1.414.033.247
Chia cổ tức	-	-	(9.899.906.000)	(9.899.906.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(3.674.570.091)	(3.674.570.091)
Tại ngày 01/04/2019	98.999.060.000	3.440.139.770	12.123.571.611	114.562.771.381
Tăng vốn trong năm nay	16.000.940.000	-	-	16.000.940.000
Lãi trong năm nay	-	-	11.435.875.235	11.435.875.235
Chia cổ tức	-	-	(9.899.906.000)	(9.899.906.000)
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	200.000.000	(200.000.000)	-
Tại ngày 31/03/2020	115.000.000.000	3.640.139.770	13.459.540.846	132.099.680.616

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 09/NQ-ĐHCD-2019 ngày 22 tháng 04 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 46/2019/QĐ-HDQT ngày 30 tháng 05 năm 2019 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn cổ phần. Vào ngày 11 tháng 07 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 4305/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được hồ sơ đệ trình từ Công ty liên quan đến việc đăng ký chào bán 1.600.094 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Việc chào bán đã được hoàn thành vào ngày 05 tháng 08 năm 2019, với tổng số cổ phiếu đã bán là 1.600.094 cổ phiếu cho các nhân viên và nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty với mức giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 12 tháng 08 năm 2019, Công ty đã nhận được Công văn số 4861/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo bán cổ phiếu riêng lẻ này của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	18.878.930.000
Cổ đông khác	96.121.070.000	80.120.130.000
Cộng	115.000.000.000	98.999.060.000

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.500.000	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	11.500.000	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.500.000	9.899.906

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20.4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn tăng thêm từ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Thông tin chung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

<u>Số thứ tự</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Thông tin</u>
1	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu
2	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
3	Mệnh giá	10.000 VND/cổ phần
4	Số lượng cổ phiếu chào bán	1.600.094 cổ phiếu
5	Giá trị chào bán	10.000 VND/cổ phiếu
6	Hình thức chào bán	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
7	Ngày bắt đầu chào bán	12/07/2019
8	Ngày hoàn thành đợt chào bán	05/08/2019
9	Tổng số cổ phiếu đã bán	1.600.094 cổ phiếu

Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu:

Số lượng cổ phiếu	1.600.094 cổ phiếu
Giá bán (VND/cổ phiếu)	10.000 VND/cổ phiếu
Thành tiền (VND)	16.000.940.000

Cộng**16.000.940.000**

Phương án sử dụng vốn: Công ty sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu trên để bổ sung vốn điều lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/04/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	24.045,11	95.397,68

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	708.635.339.651	120.131.256.733
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.525.191.202	39.769.129.079
Doanh thu bán bất động sản	1.800.000.000	-
Cộng	884.960.530.853	159.900.385.812
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	169.543.232.531	74.022.069.423

5.2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	643.592.943.029	101.352.576.047
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	151.017.501.148	32.912.558.347
Giá vốn bán bất động sản	2.803.866.251	-
Cộng	797.414.310.428	134.265.134.394

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.009.999.629	6.581.375
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.178.127.555	6.905.574
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	279.883.333	336.927.541
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.880.000.000	-
Cộng	7.348.010.517	350.414.490

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4. Chi phí tài chính**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Lãi tiền vay	23.641.129.163	5.131.196.347
Lỗ chênh lệch tỷ giá	437.020.419	33.549.557
Dự phòng tổn thất đầu tư	4.881.776.096	3.019.068.912
Cộng	28.959.925.678	8.183.814.816

5.5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí nhân viên	3.012.347.400	578.630.075
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.603.251	6.255.169
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	7.816.669
Chi phí bảo hành	543.541.733	4.261.072
Chi phí Pre – sales	744.769.195	3.084.069.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.986.539.127	337.686.656
Chi phí bằng tiền khác	2.919.120.465	147.534.784
Cộng	9.217.921.171	4.166.253.743

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	29.488.125.014	6.783.865.661
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	2.885.429.783	719.894.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.011.636.005	1.260.440.178
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	222.300.000	368.827.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.320.289.889	2.062.257.592
Chi phí bằng tiền khác	3.939.444.284	1.190.072.407
Cộng	52.867.224.975	12.385.357.802

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.7. Thu nhập khác**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	8.104.749.583	291.953.103
Thanh lý tài sản cố định	-	636.363
Thu lãi chậm thanh toán	243.413.969	-
Thu nhập khác	1.306.566.260	304.096.268
Cộng	9.654.729.812	596.685.734

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí hàng hóa, nguyên liệu	656.437.132.410	101.352.576.047
Chi phí nhân công	32.500.472.414	7.362.495.736
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.894.740.025	3.810.013.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.911.513.942	36.227.904.062
Chi phí khác bằng tiền	9.755.597.783	2.063.756.461
Cộng	859.499.456.574	150.816.745.939

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	811.569.503	364.982.628
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	642.154.077	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.453.723.580	364.982.628

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	12.903.386.854	1.841.925.281
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	8.240.130.350	13.030.145
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.912.127.140)	(30.042.285)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	16.231.390.064	1.824.913.141
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	10%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.623.139.006	364.982.629
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm (50%) đối với doanh nghiệp Khoa Học Công Nghệ	(811.569.503)	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	811.569.503	364.982.629

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ;
- Chi phí lãi vay vượt quy định;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	708.569.103.642	210.078.431.595

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(745.478.021.149)	(157.932.443.213)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Công ty con
5. Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Công ty con
6. Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	Công ty con
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Công ty con
8. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	Công ty liên kết
9. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Công ty liên kết
10. Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Công ty liên kết
11. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	19.197.697.270	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	16.340.460.696	7.077.935.619
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	5.800.802.022	40.010.351.167
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	2.679.021.509	2.188.961.232
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	618.038.261	2.183.172.241
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	511.306.849	462.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	198.000.000	66.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	30.000.000	58.750.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	-	43.378.879
Cộng – Xem thêm mục 4.3	<u>45.375.326.607</u>	<u>52.090.549.138</u>
	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học CEH	655.390.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	-	25.812.136
Cộng – Xem thêm mục 4.4	<u>655.390.000</u>	<u>25.812.136</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải thu khác:		
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	4.880.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	-	1.270.226.238
Cộng – Xem thêm mục 4.5	4.880.000.000	1.270.226.238
	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Phải trả người bán:		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	(12.053.590.387)	(11.752.427.972)
Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	(715.859.922)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	(130.468.011)	(84.715.463)
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	(122.795.359)	(3.788.356.448)
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	-	(1.156.433.182)
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(13.022.713.679)	(16.781.933.065)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	69.606.810.796	20.739.989.899
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	69.060.693.995	46.526.217.143
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	10.793.047.013	3.726.268.031
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	8.856.521.429	1.081.663.780
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	7.534.185.568	1.752.930.570
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	3.437.773.730	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	134.200.000	135.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	120.000.000	60.000.000
Cộng – Xem thêm mục 5.1	169.543.232.531	74.022.069.423

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	16.629.877.180	3.644.509.371
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	3.363.329.421	302.778.179
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	3.941.724.259	2.443.156.614
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	2.322.022.553	53.448.289
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	2.231.412.187	183.093.755
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	1.010.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	479.956.259	45.059.978
Cộng	29.978.321.859	6.672.046.186
	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Mua sắm tài sản cố định:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	8.359.802.344	-
	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Góp vốn:		
Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	-	775.000.000
Cộng	1.800.000.000	775.000.000
Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.		
Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:		
	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Thù lao và thu nhập	5.513.677.120	1.430.575.530

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	Từ ngày 01/04/2019 đến ngày 31/03/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND
Thù lao	395.853.400	127.869.600

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn từ 2 đến 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/03/2020 VND	Tại ngày 01/04/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	7.421.661.500	3.084.294.312
Trên 1 năm đến 5 năm	5.682.156.355	3.258.378.990
Cộng	13.103.817.855	6.342.673.302

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 số 03/NQ-ĐHCĐ-2019 ngày 22/04/2019, kể từ ngày 01/04/2019 Công ty chính thức chuyển đổi kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm hiện hành và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo. Do đó, những thông tin năm trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính này là các số liệu của báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính chuyển đổi từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Hoàng
Người lập